

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2021/DSPT

Ngày: 19-7-2021

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản; yêu cầu

hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường.**

Các Thẩm phán:

Ông **Võ Ngọc Thông.**

Ông **Lê Tự.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Lê Văn Thành**
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19-7-2021, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 104/2020/TLPT-DS ngày 29-12-2020 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 20-10-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1593/QĐ-PT ngày 01-7-2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Hồ Thị Hương G; địa chỉ cư trú: Tổ 9, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

2. Bà Hồ Thị Hồng X; địa chỉ cư trú: Tổ 9, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Đào Anh T;** địa chỉ cư trú: Số 192, đường N, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Giấy ủy quyền ngày 19-7-2019), có mặt.

Bị đơn: Bà **Hồ Thị H1;** địa chỉ cư trú: Số 287 đường H2, phường H3, thành phố P, tỉnh Gia Lai, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H4**; địa chỉ cư trú: Số 287 đường H2, phường H3, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Giấy ủy quyền ngày 19-3-2019), có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Nguyễn Thị Mỹ A**; địa chỉ cư trú: Tổ 3, phường T1, thị xã A1, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

2. Chị **Nguyễn Thị Mỹ X1**; địa chỉ cư trú: Thôn A2, xã A3, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

3. Anh **Nguyễn Công Th**; địa chỉ cư trú: Thôn 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

4. Anh **Nguyễn Công L**; địa chỉ cư trú: Tổ 4, khu phố N2, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

5. Anh **Nguyễn Anh M**; địa chỉ cư trú: Số 26 đường N1, tổ 7, phường T1, thị xã A1, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

6. Ông **Nguyễn Thanh T2**; địa chỉ cư trú: Tổ 7, phường T1, thị xã A1, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị A, chị X1, anh Th, anh L, anh M và ông Tư: Ông **Mai Văn T3**; địa chỉ cư trú: Số 142 đường L2, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Giấy ủy quyền ngày 27-7 và ngày 31-7-2019), có mặt.

7. Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai; địa chỉ trụ sở: Số 02 đường L3, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Thanh Ng** - Chức vụ: Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P, tỉnh Gia Lai (Giấy ủy quyền số 01/GUQ-UBND ngày 06-01-2021), có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cụ Hồ Đ1 và cụ Đỗ Thị P1 là cha, mẹ đẻ của bà Hồ Thị Kim P2, bà Hồ Thị H1, bà Hồ Thị Hương G và bà Hồ Thị Hồng X. Cụ P1 chết năm 1999, cụ Đ1 chết năm 2007, đều không để lại di chúc.

Bà Hồ Thị Kim P2 có chồng là ông Nguyễn Thanh T2 và các con là chị Nguyễn Thị Mỹ A, chị Nguyễn Thị Mỹ X1, anh Nguyễn Công Th, anh Nguyễn Công L và anh Nguyễn Anh M. Bà Hồ Thị Kim P2 chết năm 2001.

Nhà và đất tại số 287 đường H2, phường H3, thành phố P, tỉnh Gia Lai (sau đây viết tắt là nhà và đất tại số 287, đường H2) là tài sản do vợ chồng cụ Hồ Đ1, cụ Đỗ Thị P1 tạo dựng được khi còn sống, đã được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Gia Lai - Kon Tum (cũ) cấp “Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở” số 06/UB.CN ngày 24-3-1983. Sau khi cụ P1 chết (năm 1999), thì cụ Đ1 quản lý, sử dụng nhà và đất trên. Đến năm 2007, cụ Đ1 chết thì tất cả chị, em họ gia đình và thống nhất chưa chia nhà và đất tại số 287, đường H2, mà tạm giao cho bà

Hồ Thị H1 trông coi tài sản này và hương khói cho ông bà, cha mẹ.

Đến khoảng năm 2013, nguyên đơn phát hiện bà Hồ Thị H1 được UBND thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 049287 ngày 18-10-2013 đối với nhà và đất tại số 287, đường H2, nhưng không biết căn cứ vào đâu mà bà H1 được cấp Giấy chứng nhận nêu trên. Chỉ đến khi Tòa án tỉnh Gia Lai thu thập chứng cứ tại UBND thành phố P thì họ mới biết năm 1999, cụ Hồ Đ1 đã lập Di chúc để lại tài sản trên cho bà H1 và đến ngày 06-12-2002, cụ Đ1 lại tiếp tục lập hợp đồng để tặng cho bà H1 toàn bộ nhà và đất tại số 287 đường H2 (hợp đồng này được UBND phường H3, thành phố P chứng thực ngày 06-12-2002) rồi cũng tài sản này, ngày 14-01-2003, cụ Đ1 lại lập thêm một hợp đồng nữa để tặng cho bà H1 (hợp đồng này được Phòng Tư pháp thành phố P chứng thực ngày 14-1-2003). Những sự việc này là không hợp lý, nên di chúc do cụ Hồ Đ1 để lại là không có thực. Tuy nhiên, trường hợp di chúc của cụ Đ1 là có thực, thì việc cụ Đ1 lập di chúc để một mình tự ý định đoạt đối với nhà và đất tại số 287, đường H2 hay lập các Hợp đồng tặng cho bà H1 tài sản trên cũng không đúng, vì tài sản này còn là di sản của mẹ nguyên đơn là cụ Đỗ Thị P1 để lại và chưa được các thừa kế của cụ P1 phân chia.

Theo kết quả tại Biên bản định giá tài sản, thì giá trị của nhà và đất đang tranh chấp là 7.000.864.537 đồng (tính chẵn là 7.000.000.000 đồng), trừ đi giá trị mà bà H1 bỏ ra để sửa nhà là 600.000.000 đồng, còn lại 6.400.000.000 đồng là giá trị di sản của cụ Hồ Đ1 và cụ Đỗ Thị P1; trong đó, phần di sản của cụ Đ1 là 3.200.000.000 đồng, phần di sản của cụ P1 là 3.200.000.000 đồng.

Các nguyên đơn không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền 600.000.000 đồng mà bà H1 bỏ ra để sửa nhà, không tranh chấp và không yêu cầu chia phần di sản tương đương 3.200.000.000 đồng của cụ Hồ Đ1, mà đồng ý giao phần di sản này, cùng với số tiền mà bà H1 bỏ ra để sửa nhà, tổng cộng là 3.800.000.000 đồng cho bà H1 được sở hữu. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và nhà ở đối với nhà, đất tại số 287, đường H2 giữa bên tặng cho là cụ Hồ Đ1 với bên nhận tặng cho là bà Hồ Thị H1, được Phòng Tư pháp thành phố P chứng thực ngày 14-01-2003 vô hiệu.

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 049287 do UBND thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18-10-2013 cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất là bà Hồ Thị H1.

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Đỗ Thị P1 là giá trị $\frac{1}{2}$ nhà và đất tại số 287, đường H2 tương đương 3.200.000.000 đồng cho những người thừa kế gồm cụ Hồ Đ1, bà Hồ Thị Kim P2, bà Hồ Thị H1, bà Hồ Thị Hương G, bà Hồ Thị Hồng X, mỗi suất thừa kế là 640.000.000 đồng.

Do cụ Hồ Đ1 đã chết, nên phần di sản mà cụ Đ1 được hưởng của cụ P1 là 640.000.000 đồng sẽ giao cho bà H1 được hưởng; do bà Hồ Thị Kim P2 đã chết, nên phần di sản của bà P2 là 640.000.000 đồng sẽ giao cho chồng bà là ông Nguyễn

Thanh T2 và các con của bà P2 là chị Nguyễn Thị Mỹ A, chị Nguyễn Thị Mỹ X1, anh Nguyễn Công Th, anh Nguyễn Công L và anh Nguyễn Anh M được hưởng.

Ngày 06-5-2020, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và nhà ở đối với nhà và đất tại số 287, đường H2 giữa bên tặng cho là ông Hồ Đ1 với bên nhận tặng cho là bà Hồ Thị H1 được UBND phường H3 chứng thực ngày 06-12-2002 vô hiệu.

Bị đơn là và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về cha, mẹ của bị đơn là cụ Hồ Đ1, cụ Đỗ Thị P1 và chị, em ruột trong gia đình như nguyên đơn trình bày là đúng.

Nhà và đất tại số 287, đường H2 có nguồn gốc là của ông Trần Đức Lý và bà Đỗ Thị Phụng. Ngày 16-01-1976, ông Trần Đức Lý và bà Đỗ Thị Phụng lập “Giấy bán nhà đất” này cho một mình cha của bị đơn là cụ Hồ Đ1. Giấy bán nhà này được các cấp có thẩm quyền ký xác nhận, cụ Đ1 cũng đã nộp lệ phí trước bạ và được sang tên vào ngày 07-10-1982 và được UBND tỉnh Gia Lai - Kon Tum (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 06/UB.CN ngày 24-3-1983. Từ khi mua tài sản, cụ Hồ Đ1 được trọn quyền sử dụng và là chủ sở hữu căn nhà này.

Năm 2003, cụ Hồ Đ1 lập hợp đồng tặng cho bà Hồ Thị H1 toàn bộ nhà, đất trên (được Phòng Tư pháp thành phố P chứng thực). Trên cơ sở hợp đồng tặng cho này, bà Hồ Thị H1 đã được UBND thành phố P đính chính thông tin chủ sử dụng đất/chủ sở hữu nhà ở tại trang bổ sung của Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 06/UB.CN ngày 24-3-1983. Đến ngày 18-10-2013, bà Hồ Thị H1 được UBND thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 049287 đối với nhà, đất này.

Như vậy, việc cụ Hồ Đ1 lập hợp đồng tặng cho tài sản trên là thực hiện di chúc mà cụ Hồ Đ1 đã lập ngày 15-06-1999, có tên là “Lời di chúc”, vì tại di chúc này, cụ Hồ Đ1 đã khẳng định tiền để mua tài sản trên là do bà Hồ Thị H1 đi làm tích góp được, nên việc để lại toàn bộ tài sản này cho một mình bà H1 là hợp tình, hợp lý. Tại di chúc, cụ Hồ Đ1 còn ghi rõ tài sản trên để lại để làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên. Bà H1 nhận tài sản cũng là thực hiện đúng ý chí, nguyện vọng của cụ Đ1 và cụ P1 khi còn sống. Do đó, bị đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Mỹ A, chị Nguyễn Thị Mỹ X1, anh Nguyễn Công Th, anh Nguyễn Công L, anh Nguyễn Anh M và người đại diện theo ủy quyền là anh Mai Văn T3 trình bày:

Các anh, chị đều là con đẻ của bà Hồ Thị Kim P2; ông Nguyễn Thanh T2 là chồng bà P2. Bà P2 chết năm 2001, không để lại di chúc. Cụ Hồ Đ1 và cụ Đỗ Thị P1 là ông, bà ngoại của các anh, chị. Di sản do cụ Đ1 và cụ P1 để lại là nhà và đất tại số 287, đường H2 như nguyên đơn trình bày là đúng. Do bà Hồ Thị Kim P2 chết sau cụ Đỗ Thị P1 và chết trước cụ Hồ Đ1, nên theo pháp luật, họ được quyền hưởng thừa kế đối với di sản của cụ P1 và được hưởng phần thừa kế di sản của cụ Đ1 mà lẽ ra nếu còn sống thì bà P2 sẽ được hưởng.

Bị đơn cung cấp cho Tòa án tài liệu có tiêu đề là “Lời di chúc” thể hiện người

viết là cụ Hồ Đ1, có nội dung là cụ Đ1 để lại toàn bộ nhà và đất tại số 287, đường H2 cho bà Hồ Thị H1 được thừa kế, sở hữu, sử dụng vĩnh viễn, nhưng di chúc này là không đúng, vì ông ngoại không thể tự mình định đoạt tài sản trên, mà chỉ được quyền định đoạt phần tài sản của ông ngoại trong khối tài sản chung với cụ P1. Nếu đặt trường hợp di chúc do bị đơn cung cấp đúng là do cụ Đ1 viết, thì nó cũng không có giá trị là di chúc, hoặc chỉ có giá trị là di chúc đối với phần tài sản của cụ Đ1, chứ không có giá trị đối với toàn bộ tài sản do cụ Đ1 và di sản do cụ P1 để lại. Do đó “Lời di chúc” mà bị đơn giao nộp cho Tòa án không phải là tài liệu hợp pháp để công nhận là di chúc.

Tuy nhiên, khi còn sống, cụ Hồ Đ1 đã lập Hợp đồng tặng cho tài sản trên cho bà Hồ Thị H1, thể hiện ý chí của cụ Đ1 là cho bà H1 phần tài sản của cụ Đ1 trong khối tài sản chung với cụ P1. Nay, họ đồng ý với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu như sau:

- Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và nhà ở đối với nhà, đất tại số 287, đường H2 giữa bên tặng cho là ông Hồ Đ1 với bên nhận tặng cho là bà Hồ Thị H1, được Phòng Tư pháp thành phố P chứng thực ngày 14-01-2003 vô hiệu.

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 049287 do UBND thành phố P, tỉnh Gia Lai cấp ngày 18-10-2013 cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất là bà Hồ Thị H1.

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ P1 là giá trị của $\frac{1}{2}$ nhà và đất tại số 287, đường H2 tương đương 3.200.000.000 đồng cho những người thừa kế gồm: Cụ Hồ Đ1, bà Hồ Thị Kim P2, bà Hồ Thị H1, bà Hồ Thị Hương G, bà Hồ Thị Hồng X, mỗi thừa kế là 640.000.000 đồng.

Do cụ Hồ Đ1 đã chết, nên phần di sản mà cụ Đ1 được hưởng của cụ P1 là 640.000.000 đồng sẽ giao cho bà H1 được hưởng; bà P2 đã chết, nên phần di sản của bà P2 là 640.000.000 đồng sẽ chia cho chồng bà là ông Tư và các con của bà là chị A, chị X1, anh Th, anh L và anh M được hưởng và đề nghị cho anh Th làm đại diện trong việc nhận 640.000.000 đồng nêu trên.

Do nguyên đơn đã rút yêu cầu về tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và nhà ở đối với nhà và đất tại số 287, đường H2 giữa bên tặng cho là cụ Hồ Đ1 với bên nhận tặng cho là bà Hồ Thị H1 được UBND phường H3 chứng thực ngày 06-12-2002 vô hiệu, nên các anh, chị đồng ý với việc rút yêu cầu này của nguyên đơn.

2. Ông Nguyễn Thanh T2 và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Tư là chồng của bà Hồ Thị Kim P2 và là cha của chị Nguyễn Thị Mỹ A, chị Nguyễn Thị Mỹ X1, anh Nguyễn Công Th, anh Nguyễn Công L và anh Nguyễn Anh M.

Bà Hồ Thị Kim P2 chết năm 2001, không để lại di chúc. Bà P2 là con đẻ của cụ Hồ Đ1 và cụ Đỗ Thị P1 như nguyên đơn đã trình bày. Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Tư đề nghị Tòa án chấp nhận và đề nghị giao cho anh Nguyễn Công Th làm đại diện trong việc nhận 640.000.000 đồng mà ông Nguyễn

Thanh T2 và các con của ông và bà P2 được hưởng để anh Nguyễn Công Th quản lý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 20-10-2020, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai:

Căn cứ các Điều 29, 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, khoản 1 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 624, 630, 649, 650, 651 và 660 của Bộ luật Dân sự; xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Hương G và bà Hồ Thị Hồng X.

- Chia thừa kế đối với di sản của cụ Đỗ Thị P1 để lại trong khối tài sản chung với cụ Hồ Đ1 là một nửa giá trị của nhà, đất tại số 287 đường H2, thành phố P, tỉnh Gia Lai có giá trị tương đương 3.000.000.000 đồng thành 05 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần có giá trị 600.000.000 đồng cho các thừa kế gồm cụ Hồ Đ1 (do bà Hồ Thị H1 được nhận và sở hữu), bà Hồ Thị Hương G, bà Hồ Thị Hồng X, bà Hồ Thị H1, các thừa kế của bà Hồ Thị Kim P2 (gồm: ông Nguyễn Thanh T2, chị Nguyễn Thị Mỹ A, chị Nguyễn Thị Mỹ X1, anh Nguyễn Công Th, anh Nguyễn Công L và anh Nguyễn Công Mãi).

- Giao bà Hồ Thị H1 được quyền sở hữu, sử dụng nhà, đất tại số 287 đường H2, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Bà Hồ Thị H1 phải thanh toán cho bà Hồ Thị Hương G 600.000.000 đồng.

- Bà Hồ Thị H1 phải thanh toán cho bà Hồ Thị Hồng X 600.000.000 đồng.

- Bà Hồ Thị H1 phải thanh toán cho ông Nguyễn Thanh T2, chị Nguyễn Thị Mỹ A, chị Nguyễn Thị Mỹ X1, anh Nguyễn Công Th, anh Nguyễn Công L và anh Nguyễn Anh M 600.000.000 đồng.

Giao cho anh Nguyễn Công Th làm đại diện để nhận 600.000.000 đồng mà bà H1 thanh toán để anh Nguyễn Công Th quản lý.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Tuyên bố phần hợp đồng tặng cho đã định đoạt phần tài sản là di sản của cụ Đỗ Thị P1 tại Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng nhà, đất giữa bên tặng cho là cụ Hồ Đ1 với bên nhận tặng cho là bà Hồ Thị H1 được Phòng Tư pháp thành phố P chứng thực ngày 14-01-2003 vô hiệu.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị Hương G và bà Hồ Thị Hồng X về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 049287 do UBND thành phố P cấp ngày 18-10-2013 cho người sử dụng đất là bà Hồ Thị H1.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và nhà ở đối với nhà, đất tại số 287

đường H2, thành phố P, giữa bên tặng cho là cụ Hồ Đ1 với bên nhận tặng cho là bà Hồ Thị H1, được Ủy ban nhân dân phường H3 chứng thực ngày 6-12-2002 vô hiệu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 26-10-2020, bà Hồ Thị H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận đơn khởi kiện của các nguyên đơn.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Không đồng với quyết định của bản án sơ thẩm, nên bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án. Đơn kháng cáo của đương sự là trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị đơn (bà Hồ Thị H1) thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, theo hướng chia lại di sản thừa kế của cụ Đỗ Thị P1 theo giá trị đã được định giá lại tại thời điểm xét xử phúc thẩm và tính lại công sức tôn tạo, gìn giữ di sản thừa kế của bà. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Như vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị H1, sửa bản án sơ thẩm, theo hướng chia lại di sản thừa kế của cụ Đỗ Thị P1 theo giá trị đã được định giá lại tại thời điểm xét xử phúc thẩm và tính lại công sức tôn tạo, gìn giữ di sản thừa kế của bà Hồ Thị H1.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn (bà Hồ Thị H1):

[2.1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện: “Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và nhà ở vô hiệu; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật”. Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết và xác định quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án này là: “Tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” là đúng quy định tại Điều 26 và Điều 34 và Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần thông báo, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập UBND thành phố P tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng UBND thành phố P vắng mặt và trước khi mở phiên

tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố P nộp cho Tòa án: “Đơn yêu cầu vắng mặt theo giấy triệu tập” ngày 12-10-2020, có nội dung nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết theo thẩm quyền. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt UBND thành phố P là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện bổ sung về yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và nhà ở đối với nhà và đất tại 287, đường H2, giữa bên tặng cho là cụ Hồ Đ1 với bên nhận tặng cho là bà Hồ Thị H1, được UBND phường H3 chứng thực ngày 6-12-2002 vô hiệu. Xét, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết về yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và nhà ở là đúng quy định tại Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện; theo đó, chỉ yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với di sản của cụ Đỗ Thị P1, mà không yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với di sản của cụ Hồ Đ1. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là đúng pháp luật.

[2.2]. Về nội dung:

- Về nguồn gốc di sản thừa kế:

Các bên đương sự đều thừa nhận cụ Hồ Đ1 và cụ Đỗ Thị P1 là vợ chồng từ năm 1948. Tại “Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa số 06/UB.CN” ngày 24-3-1983, Chủ tịch UBND dân tỉnh Gia Lai - Kon Tum (cũ) chứng nhận cụ Hồ Đ1 được quyền sở hữu nhà và đất tại số 287 đường H2, thị xã P, tỉnh Gia Lai - Kon Tum (nay là số 287 đường H2, phường H3, thành phố P, tỉnh Gia Lai).

Tuy nhà và đất tại số 287, đường H2 mà cụ Hồ Đ1 được chứng nhận quyền sở hữu theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa số 06/UB.CN ngày 24-3-1983 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai - Kon Tum chỉ ghi tên một mình cụ Hồ Đ1 (không ghi tên cụ Đỗ Thị P1), nhưng theo quy định tại Điều 15 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959, thì đây được xác định là tài sản chung của cụ Hồ Đ1 và cụ Đỗ Thị P1. Do đó, việc chỉ ghi tên cụ Hồ Đ1 trong Giấy chứng nhận nêu trên không làm thay đổi hình thức sở hữu chung của vợ chồng cụ Đ1 và cụ P1 đối với nhà và đất tại số 287, đường H2.

- Về xác định di sản thừa kế:

Do có cơ sở xác định nhà và đất tại số 287, đường H2 là tài sản chung của vợ chồng (cụ Đ1 và cụ P1), nên sau khi cụ Đỗ Thị P1 chết; ngày 15-6-1999, cụ Hồ Đ1 tự lập “Lời di chúc”, có nội dung: *“... Giờ còn cái nhà và chút ít tài sản trong nhà là vốn liếng của của con H1 trước kia dành dụm lúc H1 còn ở chung ba có quyền được sử dụng, cái gì hết thôi, cái gì còn đều là vốn liếng của nó, tức là nó được sử dụng theo sở hữu của nó, kế tiếp là con của nó... Má qua đời đầu năm 1999, trước qua đời, má có dặn nhiều lời dặn ba là các con mình có phần lo cho lũ nó cả rồi, giờ còn tài sản nhà cửa là vốn liếng của con H1. Lẽ phải còn, ông về đây chỉ có công thôi, không có vốn liếng gì bỏ vào ngôi nhà này. Ông chuyển*

quyền sở hữu cho con Hồ Thị H1 lẽ phải là công bằng với các con... Giờ con H1 kế thừa ngôi nhà 287 này có trách nhiệm thờ cúng ông bà và tiếp xúc chị em bà con ngoại nội như hồi còn ba má” là không đúng pháp luật, bởi lẽ: Cụ Hồ Đ1 không phải là người duy nhất được công nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở, nên cụ Đ1 không có quyền tự định đoạt toàn bộ nhà và đất tại số 287, đường H2. Như vậy, ngày 14-01-2003, cụ Đ1 tặng cho bà Hồ Thị H1 toàn bộ nhà và đất tại số 287, đường H2, theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (được Phòng Tư pháp thành phố P chứng thực ngày 14-01-2003) đã vi phạm các quy định về quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản chung của các đồng sở hữu theo quy định của pháp luật về dân sự.

Mặc dù, sau khi được cụ Hồ Đ1 tặng cho nhà đất, bà Hồ Thị H1 đăng ký và đã được UBND thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 049287 ngày 18-10-2013, nhưng việc bà H1 được nhận toàn bộ nhà, đất nêu trên là không ngay tình, vì bà H1 phải biết đó là tài sản chung của vợ chồng cụ Hồ Đ1 và cụ Đỗ Thị P1, chứ không phải là tài sản riêng của cụ Hồ Đ1. Tuy nhiên, khi còn sống cụ Đ1 lập Di chúc và sau đó lập Hợp đồng tặng cho bà Hồ Thị H1 nhà và đất là thể hiện ý chí tự nguyện của cụ Đ1 về chuyển quyền sở hữu phần tài sản của mình cho bà H1, nên phần tài sản của cụ Đ1 là $\frac{1}{2}$ trong khối tài sản chung đã tặng cho bà H1 vẫn có hiệu lực; đồng thời, nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng đồng ý giao phần di sản của cụ Hồ Đ1 cho bà Hồ Thị H1 quản lý. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tuyên bố vô hiệu phần hợp đồng mà cụ Hồ Đ1 đã định đoạt phần tài sản của cụ Đỗ Thị P1 tại Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và nhà ở (được Phòng Tư pháp thành phố P chứng thực ngày 14-01-2003), từ đó chỉ phân chia giá trị di sản thừa kế của cụ Đỗ Thị P1 cho các đồng thừa kế của cụ P1 là có căn cứ.

- Về hàng thừa kế:

Cụ Hồ Đ1 và cụ Đỗ Thị P1 có 04 con chung là: (1) bà Hồ Thị Kim P2, (2) bà Hồ Thị H1, (3) bà Hồ Thị Hương G và (4) bà Hồ Thị Hồng X.

Cụ Đỗ Thị P1 chết ngày 01-01-1999, nên theo quy định của pháp luật, thì $\frac{1}{2}$ nhà và đất tại số 287, đường H2 là di sản của cụ P1. Do cụ P1 chết không để lại di chúc, nên những người thừa kế của cụ P1 gồm cụ Hồ Đ1, bà Hồ Thị Kim P2, bà Hồ Thị H1, bà Hồ Thị Hương G và bà Hồ Thị Hồng X là đồng thừa kế và đều được hưởng di sản của cụ P1 theo quy định của pháp luật.

- Về chia thừa kế:

Để xác định giá trị di sản thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định định giá tài sản và tại Biên bản định giá tài sản ngày 14-02-2020, Hội đồng định giá tài sản tỉnh Gia Lai xác định: Giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường tại thời điểm định giá là 86.400.000 đồng/m²; thửa đất có diện tích 69,51 m² có giá trị là: 86.400.000 đồng/m² x 69,51 m² = 6.005.664.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng kể từ thời điểm định giá tài sản tại cấp sơ thẩm đến khi giải quyết phúc thẩm đã quá 06 tháng, nên đề nghị định giá lại tài sản. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Tòa án cấp phúc thẩm quyết định định giá lại tài sản và tại Biên bản định giá tài sản ngày 27-4-2021, Hội đồng định giá tài sản tỉnh Gia Lai xác định: Giá trị quyền sử dụng đất theo giá thị trường tại

thời điểm định giá là 80.000.000 đồng/m²; thửa đất có diện tích 69,51 m² có giá trị là: 80.000.000 đồng/m² x 69,51 m² = 5.560.800.000 đồng.

Như vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ lấy giá trị quyền sử dụng đất được định giá tại thời điểm xét xử phúc thẩm là 5.560.800.000 đồng cộng với giá trị tài sản là nhà ở 03 tầng (trên thửa đất) có giá là 995.200.535 đồng (theo Biên bản định giá tài sản ngày 14-02-2020, tại cấp sơ thẩm); tổng cộng giá trị quyền sử dụng đất và giá trị công trình xây dựng là: 5.560.800.000 đồng + 995.200.535 đồng = 6.556.000.535 đồng (làm tròn là 6.556.000.000 đồng).

Di sản thừa kế của cụ Đỗ Thị P1 là ½ giá trị thửa đất có diện tích 69,51 m² tại số 287, đường H2. Theo kết quả định giá tài sản ngày 27-4-2021 (giá trị quyền sử dụng đất) và kết quả định giá tại sản ngày 14-02-2020 (giá trị nhà), thì giá trị nhà và đất được làm tròn là 6.556.000.000 đồng. Do các nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (do anh Mai Văn T3 làm đại diện) chấp nhận trừ đi giá trị mà bà Hồ Thị H1 chi phí để sửa lại nhà là 600.000.000 đồng, nên giá trị nhà và đất còn lại là 5.956.000.000 đồng. Như vậy, di sản của cụ Đỗ Thị P1 có giá trị là 5.956.000.000 đồng : 2 = **2.978.000.000 đồng**.

Do các nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (do anh Mai Văn T3 làm đại diện) không yêu cầu Tòa án chia thừa kế bằng hiện vật mà đồng ý giao nhà và đất tại số 287, đường H2 cho bà Hồ Thị H1 được sở hữu, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chia di sản của cụ P1 bằng tiền.

Bà Hồ Thị H1 đã sử dụng ổn định nhà và đất tại số 287, đường H2 trong khoảng thời gian dài, có công sức giữ gìn, tu bổ, tôn tạo và làm tăng giá trị của di sản. Tại cấp phúc thẩm, bà Hồ Thị H1 đề nghị xem xét lại công sức giữ gìn, tôn tạo của bà. Để đảm bảo lẽ công bằng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm chia thừa kế đối với di sản của cụ P1 và có xem xét công sức của bị đơn trong việc giữ gìn, tu bổ, tôn tạo và làm tăng giá trị của di sản tương đương 01 kỷ phần.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định các thừa kế trong vụ án này gồm cụ Hồ Đ1, bà Hồ Thị Hương G, bà Hồ Thị Hồng X, bà Hồ Thị H1, chồng và các con của bà Hồ Thị Kim P2 (05 kỷ phần) và 01 kỷ phần (công sức gìn giữ tôn tạo di sản), tổng cộng là 06 kỷ phần. Như vậy, di sản của cụ P1 là: **2.978.000.000 đồng : 6 = 496.333.333 đồng** (làm tròn là 496.333.000 đồng).

- Bà Đỗ Thị Hà được hưởng 01 kỷ phần, được nhận kỷ phần của cụ Đ1 và 01 kỷ phần trong việc giữ gìn, tu bổ, tôn tạo và làm tăng giá trị của di sản. Tổng cộng là 03 kỷ phần là 1.488.999.000 đồng.

- Bà Hồ Thị Hương G và bà Hồ Thị Hồng X mỗi người được hưởng 01 kỷ phần là 496.333.000 đồng.

- Ông Tư, chị A, chị X1, anh Th, anh L, anh M được nhận 01 kỷ phần của bà P2 là 496.333.000 đồng.

Do bà Hồ Thị H1 đang quản lý, sử dụng toàn bộ nhà và đất tại số 287, đường H2, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giao cho bà H1 được quyền quản lý và sử dụng tài sản này và buộc bà H1 thanh toán cho bà G 496.333.000 đồng, thanh toán cho bà

X 496.333.000 đồng, thanh toán cho ông Tư, chị A, chị X1, anh Th, anh L và anh M 496.333.000 đồng. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Tư, chị A, chị X1, anh Th, anh L, anh M đề nghị giao cho anh Th làm đại diện để nhận phần di sản thừa kế này. Xét thấy, đề nghị này không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Như vậy, kháng cáo của bà Hồ Thị H1 đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4]. Về án phí:

- Bà Hồ Thị Hương G và bà Hồ Thị Hồng X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, nhưng mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

- Bà Hồ Thị H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, nhưng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

- Ông Nguyễn Thanh T2, chị Nguyễn Thị Mỹ A, chị Nguyễn Thị Mỹ X1, anh Nguyễn Công Th, anh Nguyễn Công L và anh Nguyễn Anh M phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị H1.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 20-10-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về phần: Chia di sản thừa kế.

2. Áp dụng các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 616, 623, 624, 643, 649, 650, 651, 652 và 660 của Bộ luật Dân sự, xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Hương G và bà Hồ Thị Hồng X.

2.1. Tuyên bố phần Hợp đồng tặng cho đã định đoạt phần tài sản là di sản của cụ Đỗ Thị P1 tại Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng nhà, đất giữa bên tặng cho là cụ Hồ Đ1 với bên nhận tặng cho là bà Hồ Thị H1 được Phòng Tư pháp thành phố P chứng thực ngày 14-1-2003 vô hiệu.

2.2. Chia phần di sản của cụ Đỗ Thị P1 để lại trong khối tài sản chung với cụ Hồ Đ1 là $\frac{1}{2}$ giá trị của nhà và đất tại số 287 đường H2, phường H3, thành phố P, tỉnh Gia Lai có giá trị là **2.978.000.000 đồng** thành 06 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần có giá trị là **496.333.000 đồng**.

- Chia di sản thừa kế của cụ Đỗ Thị P1 cho các thừa kế, gồm: Cụ Hồ Đ1 01 kỷ phần (do bà Hồ Thị H1 được nhận), bà Hồ Thị Hương G được nhận 01 kỷ phần, bà Hồ Thị Hồng X được nhận 01 kỷ phần, các thừa kế của bà Hồ Thị Kim P2 (ông Nguyễn

Thanh T2, chị Nguyễn Thị Mỹ A, chị Nguyễn Thị Mỹ X1, anh Nguyễn Công Th, anh Nguyễn Công L và anh Nguyễn Công Mãi) được nhận 01 kỷ phần, bà Hồ Thị H1 được nhận 01 kỷ phần và được nhận 01 kỷ phần trong việc giữ gìn, tu bổ, tôn tạo và làm tăng giá trị của di sản (tổng cộng, bà H1 được nhận 03 kỷ phần).

2.3. Giao cho bà Hồ Thị H1 được quyền quản lý, sử dụng nhà và đất tại số 287 đường H2, phường H3, thành phố P, tỉnh Gia Lai và buộc bà Hồ Thị H1 phải thanh toán cho bà Hồ Thị Hương G 496.333.000 đồng, thanh toán cho bà Hồ Thị Hồng X 496.333.000 đồng và thanh toán cho ông Nguyễn Thanh T2, chị Nguyễn Thị Mỹ A, chị Nguyễn Thị Mỹ X1, anh Nguyễn Công Th, anh Nguyễn Công L và anh Nguyễn Anh M 496.333.000 đồng.

Giao cho anh Nguyễn Công Th làm đại diện để nhận 496.333.000 đồng mà bà Hồ Thị H1 phải thanh toán để anh Th quản lý.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí và chi phí tố tụng:

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1.1. Án phí dân sự không có giá ngạch:

- Bà Hồ Thị Hương G và bà Hồ Thị Hồng X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Thanh T2, chị Nguyễn Thị Mỹ A, chị Nguyễn Thị Mỹ X1, anh Nguyễn Công Th, anh Nguyễn Công L và anh Nguyễn Anh M là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có yêu cầu độc lập, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Hồ Thị H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4.1.2. Án phí sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Hồ Thị Hương G và bà Hồ Thị Hồng X, mỗi người phải chịu 23.840.000 đồng (hai mươi ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự.

- Ông Nguyễn Thanh T2, chị Nguyễn Thị Mỹ A, chị Nguyễn Thị Mỹ X1, anh Nguyễn Công Th, anh Nguyễn Công L, anh Nguyễn Anh M phải liên đới chịu 23.840.000 đồng (hai mươi ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự.

- Bà Hồ Thị H1 phải chịu 64.350.000 đồng (sáu tư triệu ba trăm lăm mươi nghìn đồng) án phí dân sự.

4.1.3. Xử lý tiền tạm ứng án phí:

- Tạm giữ số tiền tạm ứng án phí là 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) do bà Hồ Thị Hương G nộp tại Biên lai số 0003061 ngày 10-6-2019 và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do bà Hồ Thị Hương G nộp tại Biên lai số 0003099 ngày 30-9-2019, đều của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai để đảm bảo khoản thi hành án đối với khoản án phí dân sự có giá ngạch mà bà G phải chịu.

- Tạm giữ số tiền tạm ứng án phí là 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) do bà Hồ Thị Hồng X nộp tại Biên lai số 0003062 ngày 10-6-2019 và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do bà Hồ Thị Hồng X nộp tại Biên lai số 0003100 ngày 30-9-2019, đều của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai để đảm bảo khoản thi hành án đối với khoản án phí dân sự có giá ngạch mà bà X phải chịu.

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Hồ Thị H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng tạm giữ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà H1 đã nộp tại Biên lai số 0011637 ngày 04-11-2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai để đảm bảo khoản thi hành án đối với phần án phí dân sự có giá ngạch mà bà H1 phải chịu.

4.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

- Công nhận sự tự nguyện của bà Hồ Thị Hương G và bà Hồ Thị Hồng X về việc chịu 4.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm (bà G và bà X đã nộp đủ số tiền này).

- Công nhận sự tự nguyện của bà Hồ Thị H1 về việc chịu 1.900.000 đồng định giá lại tài sản tại quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm (bà H1 đã nộp đủ số tiền này).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- TANDTC - Vụ II;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Cục THA dân sự tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường